

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/HSST
Ngày 19/01/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Kam Ênuôl

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Hồng
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Vi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 453/2020/HSST ngày 28 tháng 12 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **NGUYỄN VĂN Đ (tên gọi khác: B)**, sinh ngày 01 tháng 02 năm 1999; Tại: tỉnh Đắk Lắk;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 2, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Chỗ ở hiện nay: Tổ 1, B, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn C (đã chết) và con bà Phạm Thị T, sinh năm 1957.

Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Thu D, sinh năm 1999 và có 04 lớn nhất sinh năm 2016 và nhỏ nhất sinh năm 2020.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 22/10/2020 đến ngày 31/10/2020, hiện bị cáo đang tại ngoại - Có mặt.

Người bị hại: Anh Đỗ Thành L, sinh năm 1995. Địa chỉ: Tổ 1, B, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Đào Thị T, sinh năm 1997. Địa chỉ: Buôn K, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt
2. Chị Dương Thị T, sinh năm 1987. Địa chỉ: 491 L, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.
3. Chị Nguyễn Thị Thu D, sinh năm 1999. Địa chỉ: Tổ 1, Buôn K, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt
4. Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn T, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt
5. Anh Quan Văn Đ, sinh năm 1998. Địa chỉ: Thôn T, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 13/10/2020, Nguyễn Văn Đ đi từ nhà đến khu vực bãi đất trống thì thấy nhà của anh Đỗ Thành L (sinh năm 1995), tại địa chỉ: Tổ 1, b, xã E, thành phố B không có người trông coi nên Đ nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của nhà anh L. Lúc này, Đ leo qua tường rào, đột nhập vào bên trong nhà của anh L rồi đi đến cửa chính và cửa hông bên phải nhà thì thấy cửa khóa nên Đ trèo ra ngoài, đi về nhà lấy 01 cây xà beng bằng kim loại, màu đen, dài 92cm, một đầu dẹt, một đầu hình chữ L có rãnh ở giữa rồi quay lại, trèo vào nhà anh L. Sau đó, Đ đến cửa hông nhà, dùng xà beng đập vỡ phần kính sát góc tay nắm ổ khóa cửa, thò tay vào mở chốt cửa đi vào phòng ngủ nhà anh L rồi đến dùng tay giật mạnh học tủ quần áo bằng nhựa, màu hồng dựng sát vách tường bên phải phòng ngủ, làm học tủ bung ra thì thấy một xấp tiền gồm nhiều loại mệnh giá khác nhau và một hộp màu đỏ bên trong có 01 đôi bông tai vàng 18K (610), đính đá màu trắng, trọng lượng 6,5 phân. Đ liền lấy xấp tiền và đôi bông tai cất giấu vào túi áo khoác đang mặc. Đ tiếp tục lục tìm và lấy tại học khác của tủ quần áo bằng nhựa trên, gồm: 01 sợi dây chuyền bạc, kiểu mì, dài 40cm, trọng lượng 1,5 chỉ; 01 lắc chân bạc, kiểu bi, dài 16cm, trọng lượng 2,6 chỉ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280, màu đen, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5C, màu trắng rồi cất giấu vào túi quần đang mặc trên người. Sau đó, Đ trèo ra ngoài đi về nhà và kiểm đếm số tiền trộm cắp được là 3.400.000 đồng (gồm 1.000.000 đồng tiền mệnh giá 20.000 đồng, 1.000.000 đồng tiền mệnh giá 10.000 đồng, 1.000.000 đồng tiền mệnh giá 500.000 đồng và 400.000 đồng tiền có nhiều mệnh giá). Khi có được tài sản trộm cắp, Đ mang 01 đôi bông tai vàng 18K, đính đá màu trắng, trọng lượng 6,5 phân; 01 sợi dây chuyền bạc, kiểu mì, dài 40cm, trọng lượng 1,5 chỉ; 01 lắc chân bạc, kiểu bi, dài 16cm, trọng lượng 2,6 chỉ, bán cho chị Dương Thị T (sinh năm 1987, trú tại: 491 L, phường E, thành phố B), là chủ tiệm vàng K được số tiền 1.560.000 đồng. Còn 02 chiếc điện thoại di động do mở không lên nguồn nên Đ vứt tại khu vực hồ E thuộc thôn 3, xã E, thành phố B, Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thu giữ

được. Đối với số tiền 3.400.000 đồng đã trộm cắp được thì Đ cho vợ là chị Nguyễn Thị Thu D (sinh năm 1999) số tiền 2.000.000 đồng và trả nợ cho anh Nguyễn Văn P (sinh năm 1992, trú tại: Thôn T, xã E, thành phố B) số tiền 300.000 đồng; trả nợ cho anh Quan Văn Đ (sinh năm 1998, trú tại: Thôn T, xã E, thành phố B) số tiền 500.000 đồng. Số tiền còn lại Đ sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Khi nhận tiền do Đ đưa thì chị D, anh P và anh Đ không biết tiền là do trộm cắp mà có. Sau khi bị mất tài sản, anh Đỗ Thành L đã trình báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột. Đến ngày 22/10/2020, Nguyễn Văn Đứ đến Cơ quan điều tra đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nêu trên.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn Đ đã giao nộp cho Cơ quan điều tra: 01 cây xà beng bằng kim loại, màu đen, dài 92cm, một đầu dẹt, một đầu hình chữ L có rãnh ở giữa; chị Dương Thị T đã tự nguyện giao nộp: 01 đôi bông tai vàng 18K, đính đá màu trắng, trọng lượng 6,5 phân; 01 sợi dây chuyền bạc, kiểu mì, dài 40cm, trọng lượng 1,5 chỉ; 01 lắc chân bạc, kiểu bi, dài 16cm, trọng lượng 2,6 chỉ, để phục vụ công tác điều tra.

Tại bản Kết luận định giá số 231/KLĐG ngày 04/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố Buôn Ma Thuột, kết luận:

- Tài sản đã thu hồi được, gồm: 01 đôi bông tai bằng vàng 18k (610), đính đá màu trắng, trọng lượng 6,5 phân, trị giá: 1.430.000 đồng; 01 sợi dây chuyền bạc, kiểu mì, dài 40cm, trọng lượng 1,5 chỉ, trị giá: 48.000 đồng; 01 lắc chân bạc, kiểu bi, dài 16cm, trọng lượng 2,6 chỉ, trị giá: 83.200 đồng. Tổng trị giá tài sản là: 1.561.200 đồng.

Đối với phần đá màu trắng, Hội đồng định giá không xác định giá trị vì là đá trang sức, không rõ giá trị và chủng loại đá.

- Tài sản chưa thu hồi được, gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280, màu đen, trị giá: 200.000 đồng.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5C, màu trắng, Hội đồng định giá không xác định giá trị vì đã qua sử dụng và bị hư hỏng.

Tổng giá trị tài sản đã thu hồi được và chưa thu hồi được là: 1.761.200 đồng.

Tại bản cáo trạng số 27/CT-VKS ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã khai tại Cơ quan điều tra, cũng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã truy tố.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng số 27/CT-VKS ngày 24 tháng 12 năm 2020, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Trộm cắp tài sản*”, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

* Các biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 46; Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 589 Bộ luật dân sự.

- *Về trách nhiệm dân sự:*

+ Chấp nhận tại phiên tòa giữa bị cáo và người bị hại anh Đỗ Thành L đã tự nguyện khắc phục một phần hậu quả với số tiền là 1.800.000 đồng. Buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ tiếp tục bồi thường cho anh Đỗ Thành L với tổng số tiền 1.930.000 đồng.

+ Chấp nhận đại diện gia đình bị cáo Nguyễn Văn Đ đã bồi thường cho chị Dương Thị T với số tiền là 1.560.000 đồng, chị T không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm .

- *Về xử lý vật chứng:*

+ Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, ra quyết định xử lý vật chứng, trao trả cho anh Đỗ Thành L Đối với 01 đôi bông tai vàng 18K, đính đá màu trắng, trọng lượng 6,5 phân; 01 sợi dây chuyền bạc, dài 40cm, trọng lượng 1,5 chỉ; 01 lắc bằng kim loại, màu bạc, dài 16cm, trọng lượng 2,6 chỉ là tài sản thuộc quyền sở hữu của anh Đỗ Thành L nhận quản lý, sử dụng .

+ Tịch thu tiêu hủy đối với 01 cây xà beng bằng kim loại, màu đen, dài 92cm, một đầu dẹt, một đầu hình chữ L có rãnh ở giữa là tài sản của bị cáo Nguyễn Văn Đ sử dụng trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận gì thêm chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình thực hiện các quyết định điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không xuất trình thêm chứng cứ tài liệu gì, bị cáo cũng không có ý kiến hoặc

khieu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Vào khoảng 20 giờ ngày 13/10/2020 tại nhà của anh Đỗ Thành L, ở địa chỉ: Tổ 1, B, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, bị cáo đã lén lút trộm cắp số tiền 3.400.000 đồng và 01 đôi bông tai bằng vàng, 01 sợi dây chuyền bạc, 01 lắc chân bạc, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5C của anh Đỗ Thành L, tổng giá trị tài sản bị cáo trộm cắp là 5.161.200 đồng.

Quá trình điều tra anh Đỗ Thành L khai báo là bị mất số tiền khoảng 17.000.000 đồng nhưng tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo chỉ thừa nhận lấy của anh L số tiền 3.400.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, đã tiến hành điều tra, xác minh và đối chất nhưng không có đủ căn cứ xác định bị cáo đã trộm cắp số tiền 17.000.000 đồng của anh L. Do đó, Viện kiểm sát xác định số tiền bị cáo lấy của anh L là 3.400.000 đồng là có căn cứ và Cơ quan Cảnh sát điều tra tách đối với số tiền 13.600.000 đồng để tiếp tục điều tra, xác minh xử lý là phù hợp.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã truy tố, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

[2]. Lời luận tội của Đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, chứng minh đầy đủ các tình tiết liên quan đến hành vi phạm tội, cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, như vậy quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định.

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội do bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác trái pháp luật, đồng thời còn gây mất ổn định trị an xã hội. Bị cáo nhận thức được rằng, quyền sở hữu tài sản của người khác là bất khả xâm phạm, luôn luôn được Nhà nước bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đều bị pháp luật nghiêm trị. Song, do động cơ vụ lợi cá nhân, bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút để trộm cắp tài sản của anh L để sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân. Tuy nhiên, trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, do đó không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà để bị cáo tự cải tạo ngoài xã hội cũng đủ tính chất giáo dục, răn đe đối với bị cáo.

Đối với chị Nguyễn Thị Thu D, anh Nguyễn Văn P và anh Quan Văn Đ là những người được bị cáo Nguyễn Văn Đ cho và trả tiền. Tuy nhiên, khi nhận tiền do bị cáo Đ đưa thì chị D, anh P và anh Đ không biết tiền là do bị cáo Đ trộm cắp mà có. Do vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với chị D, anh P và anh Đ, là phù hợp.

Đối với chị Dương Thị T là người đã mua 01 đôi bông tai, 01 sợi dây chuyền và 01 chiếc lắc do bị cáo Nguyễn Văn Đ bán. Tuy nhiên, khi mua các tài sản trên thì chị T không biết tiền là do bị cáo Đ trộm cắp mà có. Quá trình điều tra, đại diện gia đình bị cáo Đ đã bồi thường cho chị T số tiền 1.560.000 đồng (là tiền mà chị T đã trả cho bị cáo Đ khi mua các tài sản do Đ bán), ngoài ra chị T không có yêu cầu gì khác. Do vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với chị T, là phù hợp.

[3]. Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đều đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, tài sản do bị cáo trộm cắp có giá trị không lớn và một phần tài sản đã được thu hồi trả lại cho người bị hại, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại cho người bị hại, sau khi thực hiện hành vi phạm tội của mình bị cáo đã tự nguyện đi đầu thú, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà bị cáo được hưởng cần áp dụng trong khi lượng hình, để giảm nhẹ một phần hình phạt, đồng thời thể hiện được chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

[4]. Về các biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 46; Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 589 Bộ luật dân sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

** Về trách nhiệm dân sự:* Trong quá trình điều tra anh Đỗ Thành L yêu cầu bị cáo phải bồi thường toàn bộ số tiền bị mất là 17.000.000 đồng, tuy nhiên tại phiên Tòa sơ thẩm do bị cáo chỉ thừa nhận số tiền 3.400.000 đồng nên anh L chỉ yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với số tiền bị cáo đã thừa nhận là 3.400.000 đồng, đối với số tiền còn lại 13.600.000 đồng chưa chứng minh được, tiếp tục đề nghị Cơ quan quan Cảnh sát điều tra làm rõ và xác minh và yêu cầu bồi thường sau khi có căn cứ chứng minh. Ngoài ra, tại phiên tòa anh L đồng ý bị cáo bồi thường một phần thiệt hại với tổng số tiền là 1.800.000 đồng và tiếp tục yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền còn lại là 1.600.000 đồng và giá trị chiếc điện thoại Nokia 1280 màu đen không thu hồi được có giá trị là 200.000 đồng, bồi thường chi phí thay thế tấm kính cửa hông có giá trị là 130.000 đồng, tổng số tiền anh Đỗ Thành L yêu cầu bị cáo phải bồi thường là 1.930.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Yêu cầu trên của anh Long là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật nên bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho anh L với tổng số tiền 3.730.000 đồng, tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo và bị hại đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường một phần thiệt hại với tổng số tiền là 1.800.000 đồng, xét thấy đây là sự tự nguyện của các bên nên cần chấp nhận. Vì vậy, buộc bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho anh L với tổng số tiền là 1.930.000 đồng. Chấp

nhận yêu cầu của anh L là đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột tiếp tục xác minh đối với số tiền 13.600.000 đồng và yêu cầu bồi thường sau khi có căn cứ chứng minh.

+ Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5C, màu trắng đã bị hư hỏng và chưa thu hồi được, quá trình điều tra và tại phiên tòa anh L không yêu cầu bị cáo Đ phải bồi thường giá trị chiếc điện thoại trên, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

+ Đối với số tiền 1.560.000 đồng mà chị Dương Thị T bỏ ra để mua các tài sản do bị cáo trộm cắp mà có, tuy nhiên trong quá trình điều tra đại diện gia đình bị cáo đã bồi thường toàn bộ số tiền trên cho chị T và chị T không yêu cầu bồi thường gì thêm, đồng thời gia đình bị cáo cũng không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền trên nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

- Về xử lý vật chứng:

+ Đối với 01 đôi bông tai vàng 18K, đính đá màu trắng, trọng lượng 6,5 phân; 01 sợi dây chuyền bạc, dài 40cm, trọng lượng 1,5 chỉ; 01 lắc bằng kim loại, màu bạc, dài 16cm, trọng lượng 2,6 chỉ là tài sản thuộc quyền sở hữu của anh Đỗ Thành L nên ngày 19/11/2020 Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, ra Quyết định xử lý vật chứng, trao trả các tài sản trên cho anh Đỗ Thành L nhận quản lý, sử dụng là phù hợp.

+ Đối với 01 cây xà beng bằng kim loại, màu đen, dài 92cm, một đầu dẹt, một đầu hình chữ L có rãnh ở giữa là tài sản của bị cáo Nguyễn Văn Đ sử dụng trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, cần tịch thu tiêu hủy.

[6]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn Đ** 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk giám sát, quản lý và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án Hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án

mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật thi hành án Hình sự.

* Các biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 46; Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 589 Bộ luật dân sự.

- *Về trách nhiệm dân sự:*

+ Chấp nhận giữa bị cáo Nguyễn Văn Đ và bị hại anh Đỗ Thành L đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường một phần thiệt hại với tổng số tiền là 1.800.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Văn Đ phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Đỗ Thành L với tổng số tiền còn lại là 1.930.000 đồng.

+ Chấp nhận anh Đỗ Thành L không yêu cầu bị cáo phải bồi thường đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5C, màu trắng đã bị hư hỏng và chưa thu hồi được.

+ Chấp nhận gia đình bị cáo Nguyễn Văn Đ đã bồi thường cho chị Dương Thị T với số tiền là 1.560.000 đồng, chị T không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm .

- *Xử lý vật chứng:*

+ Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã trả lại cho anh Đỗ Thành L 01 đôi bông tai vàng 18K, đính đá màu trắng, trọng lượng 6,5 phân; 01 sợi dây chuyền bạc, dài 40cm, trọng lượng 1,5 chỉ; 01 lắc bằng kim loại, màu bạc, dài 16cm, trọng lượng 2,6 chỉ là tài sản thuộc quyền sở hữu của anh Đỗ Thành L nhận quản lý, sử dụng.

+ Tịch thu tiêu hủy đối với 01 cây xà beng bằng kim loại, màu đen, dài 92cm, một đầu dẹt, một đầu hình chữ L có rãnh ở giữa là tài sản của bị cáo Nguyễn Văn Đ sử dụng trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội.

(Tang vật có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Công an thành phố Buôn Ma Thuột và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột ngày 28/12/2020).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn Đ phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 200.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Công an Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THA DS Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chánh án TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Y Kam Ênuôl